TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 307/2024/DS-ST
Ngày: 27/9/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Trần Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tịnh;

2. Bà Nguyễn Thị Huyền Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Diệu Thu.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2024/QĐXXST-DS ngày 23/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2024/ QĐST-DS ngày 11/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín; địa chỉ: Số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành Nhân, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 278 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền số 7258/2023/UQ-TGĐ ngày 03/10/2023);

Bị đơn: Ông Lê Đức T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số Xxx đường N, Phường B, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thành Nhân là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/11/2010, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Lê Đức T ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề

nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 70.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân đối với thẻ Visa OS Member 462881 - 8441 và hạn mức tín dụng là 45.000.000 đồng đối với thẻ VS payWave Cre Classic 472074 – 8722 với lãi suất là 2.15%/ tháng (lãi suất trong hạn). Do ông Lê Đức T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 16/12/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/12/2023, ông Lê Đức T còn nợ số tiền là 396.565.791 (ba trăm chín mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi mốt) đồng, trong đó nợ gốc là 74.479.281 đồng, lãi quá hạn là 322.086.510 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và tạo điều kiện về mặt thời gian nhưng ông Lê Đức T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Lê Đức T thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 26/12/2023 là 396.565.791 (ba trăm chín mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi mốt) đồng, trong đó nợ gốc là 74.479.281 đồng, lãi quá hạn là 322.086.510 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 27/12/2023, ông Lê Đức T còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi ông Lê Đức T trả dứt khoản tiền còn nợ cho Ngân hàng.

2. Bị đơn - Ông Lê Đức T:

Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện thủ tục triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa án và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai đối với bị đơn và không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các bên.

Tòa án nhân dân Quận 11 quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

3. Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Đức T đã được Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

a) Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án chưa đảm bảo thời hạn tống đạt thông báo thụ lý.

b) Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện ông Lê Đức T trả số tiền vay nên có cơ sở xác định tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và ông Lê Đức T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Ngày 29/11/2010, ông Lê Đức T ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, địa chỉ ghi trên hợp đồng là số Xxx đường N, Phường B, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh: "Công dân Lê Đức T, SN 1980, HKTT: xxx đường N, PB, Q11 nhưng khai báo đang ở 28A Ngô Thời Nhiệm, Tân Lập, Nha Trang, Khánh Hòa."

Theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa: "Lê Đức T, SN 1982 có đăng ký tạm trú tại địa chỉ: 28A Ngô Thời Nhiệm, Tân Lập, Nha Trang, Khánh Hòa. Hiện nay, đương sự T không sinh sống thực tế tại địa chỉ trên, đi đâu địa phương không rõ".

Tòa án có cơ sở xác định ông Lê Đức T có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: Số Xxx đường N, Phường B, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Lê Đức T là người phải thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng nhưng ông Lê Đức T chuyển chỗ ở không báo cho ngân hàng nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/7/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao.

Do vậy, vụ án dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về người tham gia tố tụng:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Đức T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] *Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 27/9/2024 là 74.479.281 (bảy mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm tám mươi mốt) đồng:*

Căn cứ Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/11/2010 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với ông Lê Đức T, theo đó việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật. Do đó, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Tại bảng Tóm tắt sao kê của thẻ tín dụng, thể hiện ông Lê Đức T vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng nên ngày 16/12/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn**.**

Căn cứ vào Điều 23 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín quy định: *"Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng Dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán,… Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ; áp dụng lãi suất quá hạn,…".*

Căn cứ Điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định:

"1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng...".

Hội đồng xét xử xét thấy ông Lê Đức T đã sử dụng thẻ Tín dụng vay tiền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc tính đến 27/9/2024 là 74.479.281 (bảy mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm tám mươi mốt) đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền lãi quá hạn tính đến ngày 27/9/2024 là 344.184.450 (ba trăm bốn mươi bốn triệu một trăm tám mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi) đồng:

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*'' và căn cứ vào Điểm c Khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng thì: *"Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn".*

Hội đồng xét xử xét thấy ông Lê Đức T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền lãi quá hạn tính đến ngày

27/9/2024 là 344.184.450 (ba trăm bốn mươi bốn triệu một trăm tám mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi) đồng và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/9/2024 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi bị đơn trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký là có căn cứ, cần chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Ông Lê Đức T phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 317, 318, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

2. Buộc ông Lê Đức T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền còn nợ tính đến ngày 27/9/2024 là 418.663.731 (bốn trăm mười tám triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn bảy trăm ba mươi mốt) đồng, trong đó: nợ gốc là 74.479.281 (bảy mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm tám mươi mốt) đồng và lãi quá hạn là 344.184.450 (ba trăm bốn mươi bốn triệu một trăm tám mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi) đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Đức T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh tính từ ngày 28/9/2024 trên dư nợ gốc còn thiếu theo lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/11/2010 cho đến khi ông Lê Đức T thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Đức T phải chịu án phí là 20.746.549 (hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm bốn mươi chín) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.477.000 (bảy triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0042158 ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Trần Ngọc Phương